***Ngày soạn:***

***Tên bài dạy:*** **HAI BÀI TOÁN VỀ PHÂN SỐ**

**I. MỤC TIÊUPPTCD631**

***1. Về kiến thức***

-Biết và hiểu quy tắc tìm giá trị phân số của một số cho trước.

- Biết và hiểu quy tắc tìm một số biết giá trị một phân số của nó.PPTCD631PPTCD631

- Có kĩ năng vận dụng hai quy tắc này để làm toán.

- Có ý thức áp dụng hai quy tắc này để giải một số bài toán thực tế.

***2. Về năng lực***

- Năng lực chung:

* Năng lực tự chủ và năng lực tự học, năng lực giao tiếp, hợp tác.
* Năng lực giải quyết vấn đề toán học.

- Năng lực chuyên biệt:

* Năng lực tư duy và lập luận toán học.
* Năng lực sử dụng ngôn ngữ toán học.
* Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học

***3. Về phẩm chất***

***-*** Chăm chỉ, chú ý lắng nghe:

- Trách nhiệm: Thực hiện các hoạt động GV đưa ra.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**-** Thiết bị dạy học: Máy chiếu

- Học liệu: phiếu BT, vở ghi

**III. TIỀN TRÌNH BÀI DẠY**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

a) Mục tiêu: Củng cố lí thuyết bài học.

b) Nội dung: Lý thuyết liên quan hai bài toán về phân số.

c) Sản phẩm: Các lý thuyết trong bài.

**1. Tìm giá trị phân số của một số cho trước**

Muốn tìm  của số  cho trước, ta tính  

**2. Tìm một số biết giá trị một phân số của số đó**

Muốn tìm một số biết  của nó bằng , ta tính  

d) Tổ chức thực hiện:

- Hình thức vấn đáp

- GV hỏi đáp các kiến thức liên quan tới bài học

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

**Hoạt động 3.1: Dạng 1: Tìm giá trị phân số của một số cho trước**

a) Mục tiêu: Hoc sinh tìm được giá trị phân số của một số cho trước.

b) Nội dung: Các bài tập về tìm phân số của một số cho trước.

c) Sản phẩm: Lời giải chi tiết bài 1, 2, 3, 4, 5.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  Hoạt động cá nhân nội dung bài 1  H1: Muốn tìm  của số  cho trước ta làm như thế nào?  GV đưa yêu cầu bài tập 1.  **Bước 2: HS thực thiện nhiệm vụ**  HS hoạt động cá nhân.  Đ1: Muốn tìm của số  cho trước, ta tính  Hs hoạt động cá nhân nội dung bài 1.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS lên bảng làm bài  - Hs khác làm vào vở  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV gọi HS khác nhận xét kết quả bài làm của bạn  - GV nhận xét và chốt kiến thức | Muốn tìm  của số  cho trước, ta tính  **Bài 1**. Tính:  a) của  b) của ;  c) của ; d)  của .  **Giải**.  a)  của  là:  b) của  là;  c) ;  d) . |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  Tổ chức nhóm đôi nội dung bài 2.  - Các câu hỏi gợi mở để dẫn dắt bài toán H1: Đề bài yêu cầu các con làm gì?  H2: Câu nào trong bài biểu thị số học sinh nữ đạt học sinh giỏi  H3: Để tính số học sinh nữ đạt học sinh giỏi ta cần tính gì trước?  GV yêu cầu học sinh đọc đề bài bài 2  GV yêu cầu học sinh suy nghĩ trả lời các câu hỏi giáo viên đưa ra và làm bài  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện nhóm đôi nghiên cứu trả lời câu hỏi và làm bài  Dự kiến câu trả lời:  Đ1: Đề bài yêu cầu tính số học sinh nữ  Đ2: Trong số học sinh giỏi đó, số nữ sinh chiếm .  Đ3: Ta cần tính số học sinh giỏi của khối 6 trước  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - Đại diện 2 nhóm đôi lên bảng làm bài  - HS khác làm vào vở  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV gọi HS nhóm khác nhận xét kết quả bài làm của bạn | **Bài 2**. Khối 6 của một trường có  học sinh trong đó có  là học sinh giỏi. Trong số học sinh giỏi đó, số nữ sinh chiếm . Tính số học sinh nữ của khối  đạt loại giỏi.  **Giải.**  Số học sinh giỏi của trường là:  (học sinh)  Số học sinh nữ học sinh giỏi là:  (học sinh) |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ 3**  Hoạt động các nhân nội dung bai 3  H1: Bài toán yêu cầu các con tính gì?  H2: Để tính được số km mà anh đi được trong 3 giờ ta làm thế nào?  Hn: Làm thế nào để tính được số km mà anh Cường đi được trong 1 giờ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ 3**  Học sinh đọc kĩ đề bài, trả lời các câu hỏi của giáo viên  Đ1: Bài hỏi sau 3 giờ anh đi được bao nhiêu km?  Đ2: Để tính được số km mà anh đi được trong 3 giờ ta tính số km mà anh đi trong 1 giờ rồi nhân với 3  Đ3: Vì mỗi giờ anh đi được  quãng đường nên mỗi giờ anh đi được  của km tức là:  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  GV gọi 1 học sinh lên bảng làm bài  HS khác làm bài vào vở  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  - Giáo viên chấm vở một số bạn  - Gọi học sinh nhận xét bài bạn trên bảng  **-** GV nhân xét và chốt kiến thức | **Bài 3**. Anh Cường đi xe đạp trên quãng đường dài km. Mỗi giờ anh đi được  quãng đường. Hỏi sau giờ anh đi được bao nhiêu ki-lô-mét?  **Giải**.  Mỗi giờ anh đi được  của km.  Như vậy vận tốc của anh là:  (km/h).  Do đó sau 3 giờ anh đi được:  (km). |
| **GV giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu học sinh đọc đề bài bài 4  GV yêu cầu học sinh suy nghĩ làm bài  H1: Đầu bài yêu cầu tính gì?  H2: Câu nào biểu thị số học sinh giỏi?  Câu nào biểu thị số học sinh kém?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh đọc bài, suy nghĩ trả lời câu hỏi  Đ1: Đầu bài yêu cầu tính số học sinh giỏi, số học sinh kém  Đ2: Số học sinh giỏi chiếm , số học sinh kém chiếm .  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS lên bảng làm bài  - HS khác làm vào vở  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV gọi HS khác nhận xét kết quả bài làm của bạn | **Bài 4**. Lớp 6A có  học sinh. Cuối năm học Hỏi trong lớp có bao nhiêu học sinh giỏi và bao nhiêu học sinh kém.  **Giải**.  Số học sinh giỏi là: (học sinh)  Số học sinh kém là: (học sinh) |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ 3**  Yêu cầu HS hoạt động nhóm, 2 bàn làm 1 nhóm làm bài tập 5  H: Bài toán yêu cầu các con tính gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ 3**  Học sinh đọc kĩ đề bài, trả lời các câu hỏi của giáo viên  Đ: Bài yêu cầu tính số tiền của bác Xuân năm nay kể cả gốc lẫn lãi.  *Hướng dẫn hỗ trợ (HS gặp khó khăn, HS TB yếu):*  + Số tiền lãi năm nay của bác phải tính  của số tiền vốn và lãi của năm ngoái  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - Mỗi nhóm cử đại diện 1 HS lên bảng trình bày.  - HS còn lại chú ý theo dõi, quan sát nhận xét bài làm của các nhóm.  - HS sửa bài vào vở.  HS khác làm bài vào vở  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  - Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhóm HS.  - GV chốt lại kiến thức. | **Bài 5**. Bác Xuân gửi tiết kiệm  triệu đồng. Năm ngoái lãi suất là . Hết năm bác không rút lãi và năm nay bác gửi tiếp với lãi suất là . Hỏi hết năm nay số tiền của bác Xuân kể cả gốc lẫn lãi sẽ là bao nhiêu?  **Giải**.  Số tiền lãi năm ngoái là:  (triệu đồng).  Vì bác không rút lãi và gửi tiếp nên năm nay số tiền bác gửi là:  (triệu đồng).  Tiền lãi năm nay của bác sẽ là: (triệu đồng).  Vì tiền gốc của bác năm nay là  triệu đồng nên hết năm nay cả gốc lẫn lãi của bác là: = (triệu đồng).  *Lưu ý.* Cũng có thể lấy gốc là  triệu đồng cộng với lãi của năm đầu và lãi của năm sau. |

**Hoạt động 3.2:** **Dạng 2 Tìm một số biết giá trị phân số của nó**

a) Mục tiêu: Hoc sinh tìm được một số biết giá trị phân số của nó

b) Nội dung: Các bài tập về tìm một số biết giá trị phân số của nó

c) Sản phẩm: Lời giải chi tiết bài 1, 2, 3, 4, 5.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| **B1 GV giao nhiệm vụ**  Muốn tìm một số biết  của nó bằng , ta tính như thế nào?  **B2: HS thực thiện nhiệm vụ**  HS hoạt động cá nhân nêu: Muốn tìm một số biết  của nó bằng , ta tính  Hs hoạt động cá nhân nội dung bài 1.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS lên bảng làm bài  - HS khác làm vào vở  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV gọi HS khác nhận xét kết quả bài làm của bạn  - GV nhận xét và chốt kiến thức | Muốn tìm một số biết  của nó bằng , ta tính  **Bài 1**. Tìm một số thoả mãn một trong các điều kiện sau:  a)  của nó bằng ;  b)  của nó bằng;  c) của nó bằng .  d)  của nó bằng  **Giải**.  a) Số cần tìm là:  b) Số cần tìm là:  c) Số cần tìm là:  d) Số cần tìm là |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  Tổ chức nhóm đôi nội dung bài 2.  GV yêu cầu học sinh suy nghĩ trả lời các câu hỏi giáo viên đưa ra và làm bài  - Các câu hỏi gợi mở để dẫn dắt bài toán  H1: Đề bài yêu cầu các con làm gì?  H2: Đồng chiếm bao nhiêu khối lượng thanh hợp kim?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện nhóm đôi nghiên cứu trả lời câu hỏi và làm bài  Dự kiến câu trả lời:  Đ1: Đề bài yêu cầu tính khối lượng của thanh hợp kim  Đ2: Đồng chiếm  nhiêu khối lượng thanh hợp kim  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - Đại diện 2 nhóm đôi lên bảng làm bài  - HS khác làm vào vở  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV gọi HS nhóm khác nhận xét kết quả bài làm của bạn | **Bài 2**. Trong một thanh hợp kim, đồng chiếm  khối lượng của nó. Hỏi khối lượng của thanh hợp kim đó là bao nhiêu nếu khối lượng đồng trong đó là kg?  **Giải**.  Theo đầu bài  khối lượng của thanh hợp kim bằng 8,5kg  Vậy khối lượng của thanh hợp kim đó là:  (kg) |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ 3**  Hoạt động các nhân nội dung bài 3  H1: Bài toán hỏi gì?  H2: Tổng số phần các khoản chi là bao nhiêu?  H3: Dữ kiện nào để tính được thu nhập của đôi vợ chồng này?  H4: Số tiền còn lại dành cho ăn mặc bằng gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ 3**  Học sinh đọc kĩ đề bài, trả lời các câu hỏi của giáo viên  Đ1: Bài hỏi thu nhập hàng tháng của đôi vợ chồng này là bao nhiêu và số tiền còn lại dành cho ăn, mặc và các nhu cầu khác là bao nhiêu?  Đ2: Tổng số phần các khoản chi là: (thu nhập hàng tháng).  Đ3: Cộng các khoản chi này hết tất cả đồng  Đ4: Số tiền còn lại dành cho ăn mặc bằng tổng thu nhập – tổng các khoản chi  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  GV gọi 1 học sinh lên bảng làm bài  HS khác làm bài vào vở  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  - Giáo viên chấm vở một số bạn  - Gọi học sinh nhận xét bài bạn trên bảng  **-** GV nhân xét và chốt kiến thức | **Bài 3**. Có một đôi vợ chồng trẻ, trong một tháng phải trả các khoản tiền thuê nhà, tiền điện, tiền nước, tiền gửi con vào nhà trẻ lần lượt hết  thu nhập hàng tháng. Cộng các khoản chi này hết tất cả đồng. Hỏi thu nhập hàng tháng của đôi vợ chồng này là bao nhiêu và số tiền còn lại dành cho ăn, mặc và các nhu cầu khác là bao nhiêu?  **Giải**.  Tổng số phần các khoản chi là: (thu nhập hàng tháng).  Theo đầu bài, số tiền này là đồng.  Do đó thu nhập của đôi vợ chồng này là:  :  =  =  (đồng).  Số tiền còn lại dành cho ăn, mặc và các nhu cầu khác là:  (đồng). |
| **GV giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu học sinh đọc đề bài bài 4  GV yêu cầu học sinh suy nghĩ làm bài  H1: Đầu bài yêu cầu tính gì?  H2: Để tính số công nhân của phân xưởng đó ta làm thế nào?  H3: Để tính phân số chỉ số công nhân nam ta làm thế nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh đọc bài, suy nghĩ trả lời câu hỏi  Đ1: Đầu bài yêu cầu tính số công nhân của phân xưởng  Đ2: Để tính số công nhân của phân xưởng ta phải tính phân số chỉ số công nhân nam  Đ3: Phân số chỉ số công nhân nam là: (số công nhân).  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  GV gọi 1 học sinh lên bảng làm bài  HS khác làm bài vào vở  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV gọi HS khác nhận xét kết quả bài làm của bạn | **Bài 4**. Biết rằng  số công nhân trong xưởng là nữ, còn lại là công nhân nam. Tính số công nhân của phân xưởng đó.  **Giải**.  Phân số chỉ số công nhân nam là  (số công nhân).  Số công nhân của phân xưởng là  (công nhân). |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ 3**  Yêu cầu HS hoạt động nhóm, 2 bàn làm 1 nhóm làm bài tập 5  H1: Đầu bài yêu cầu tính gì?  H2: Để tính tổng số gạo mà cửa hàng đã bán ta làm thế nào?  H3: Để tính Phân số chỉ số gạo bán trong ngày thứ ba là ta làm thế nào?  H4: Câu nào biểu thị phân số ngày thứ hai bán được  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ 3**  Học sinh đọc kĩ đề bài, trả lời các câu hỏi của giáo viên  Đ1: Đầu bài yêu cầu tính tổng số gạo mà cửa hàng đã bán.  Đ2: Để tính tổng số gạo mà cửa hàng đã bán ta phải tính phân số chỉ Phân số chỉ số gạo bán trong ngày thứ ba.  Đ3: Để tính phân số chỉ số gạo bán trong ngày thứ ba ta lấy 1 – tổng phân số chỉ số gạo của ngày 1 và ngày 2  **Đ4:** Ngày thứ hai bán được  số gạo còn lại  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - Mỗi nhóm cử đại diện 1 HS lên bảng trình bày.  - HS còn lại chú ý theo dõi, quan sát nhận xét bài làm của các nhóm.  - HS sửa bài vào vở.  HS khác làm bài vào vở  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  - Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhóm HS.  - GV chốt lại kiến thức. | **Bài 5:** Một của hàng bán gạo trong ba ngày. Ngày đầu bán được  số gạo. Ngày thứ hai bán được  số gạo còn lại. Ngày thứ ba bán nốt  tấn. Tính tổng số gạo mà cửa hàng đã bán.  **Giải**  Phân số chỉ số gạo bán trong ngày thứ hai là  (tổng số gạo).  Phân số chỉ số gạo bán trong ngày thứ ba là  (tổng số gạo).  Tổng số gạo bán trong ba ngày là  (tấn). |

**Hoạt động 3.3:** **Dạng 3 Toán lời áp dụng cả tìm số phân số của một số cho trước, và tìm một số biết giá trị phân số của nó của nó**

a) Mục tiêu: Học sinh biết áp dụng linh hoạt công thức tìm phân số của một số cho trước và tìm một số biết giá trị phân số của nó vào bài toán cụ thể.

b) Nội dung: Bài 1, 2, 3, 4, 5

c) Sản phẩm: Lời giải chi tiết bài 1, 2, 3, 4, 5

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1:**  Yêu cầu học sinh hoạt động cá nhân  GV yêu cầu học sinh suy nghĩ trả lời các câu hỏi giáo viên đưa ra và làm bài  - Các câu hỏi gợi mở để dẫn dắt bài toán  H1: Phần a thuộc dạng bài toán gì về phân số?  H2: Muốn tính tỉ số phần trăm ta làm thế nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ 1**  HS thực hiện nhóm đôi nghiên cứu trả lời câu hỏi và làm bài  Dự kiến câu trả lời:  Đ1: Phần a này gồm cả dạng tìm một số biết giá trị một phân số của số đó và tìm giá trị phân số của một số cho trước.  Đ2: Tỉ số phần trăm của a và b là  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - Đại diện 2 nhóm đôi lên bảng làm bài  - HS khác làm vào vở  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV gọi HS nhóm khác nhận xét kết quả bài làm của bạn | **Bài 1**. Kết thúc học kì I, lớp 6A có  học sinh, trong đó số học sinh giỏi chiếm  tổng số học sinh của lớp, số học sinh khá bằng  số học sinh giỏi, số còn lại là học sinh trung bình.  a) Tính số học sinh giỏi, số học sinh khá.  b) Tính tỉ số phần trăm của học sinh trung bình so với học sinh khá.  **Giải**  a) Số học sinh giỏi là: (học sinh)  Số học sinh khá là: (học sinh)  b) Số học sinh trung bình là: (học sinh)  Tỉ số phần trăm của học sinh trung bình so với học sinh khá là: |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ 2:**  Tổ chức nhóm đôi nội dung bài 2.  GV yêu cầu học sinh suy nghĩ trả lời các câu hỏi giáo viên đưa ra và làm bài  - Các câu hỏi gợi mở để dẫn dắt bài toán  H1: Đề bài yêu cầu các con làm gì?  H2: Phần a: Tìm số học sinh khá bằng cách nào?  H3: Phần b: Tính số học sinh giỏi bằng cách nào?  H4: Tính tỉ số phần trăm của học sinh trung bình so với cả lớp.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ 2:**  HS thực hiện nhóm đôi nghiên cứu trả lời câu hỏi và làm bài  Dự kiến câu trả lời:  Đ1: Đề bài yêu cầu:   1. Tìm số học sinh khá. 2. Tính số học sinh giỏi. 3. Tính tỉ số phần trăm của học sinh trung bình so với học sinh cả lớp?   Đ2: Phần a: Tìm  của 40  Đ3: Phần b thuộc dạng toán tìm một số biết giá trị một phân số của số đó, nên lấy số học sinh khá chia cho tìm được số học sinh giỏi.  Đ4: Phần c: Áp dụng công thức:    Trong đó:  a: là số HS trung bình  b: Là số HS lớp 6A  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - Đại diện 2 nhóm đôi lên bảng làm bài  - HS khác làm vào vở  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV gọi HS nhóm khác nhận xét kết quả bài làm của bạn | **Bài 2:** Lớp 6A có 40 học sinh, chỉ có loại giỏi, khá, trung bình.  a) Số học sinh khá chiếm  số học sinh cả lớp. Tính số học sinh khá của lớp.  b) Biết số học sinh khá bằng  số học sinh giỏi. Tính số học sinh giỏi của lớp.  c) Tính tỉ số phần trăm của học sinh trung bình so với học sinh cả lớp.  Giải  a) Số học sinh khá của lớp là:  (hs)  b) Số học sinh giỏi của lớp là: (hs)  c) Số học sinh TB của lớp là:  (học sinh)  Tỉ số phần trăm của học sinh trung bình so với học sinh cả lớp là: |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ 3**  Hoạt động các nhân nội dung bài 3  H1: Câu nào trong bài biểu thị số học sinh giỏi?  H2: Câu nào biểu thị số học sinh khá?  H3: Để tính được học sinh TB làm thế nào?  H4: Để tính phần trăm học sinh yếu so với học sinh khá làm thế nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ 3**  Học sinh đọc kĩ đề bài, trả lời các câu hỏi của giáo viên  Đ1: Số học sinh giỏi bằng  số học sinh cả lớp  Đ2: Số học sinh khá bằng  số học sinh còn lại  Đ3: Lấy số học sinh khá chia  Đ4: Lấy số học sinh yếu chia học sinh khá rồi nhân  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  GV gọi 1 học sinh lên bảng làm bài  HS khác làm bài vào vở  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  - Giáo viên chấm vở một số bạn  - Gọi học sinh nhận xét bài bạn trên bảng  **-** GV nhân xét và chốt kiến thức | **Bài 3:** Lớp 6A có  học sinh. Tổng kết cuối năm, xếp loại học lực của lớp 6A gồm 4 loại: giỏi, khá, trung bình và yếu. Số học sinh giỏi bằng  số học sinh cả lớp. Số học sinh khá bằng  số học sinh còn lại. Số học sinh khá lại bằng  số học sinh trung bình.  a) Tính số học sinh giỏi, khá, trung bình và yếu của lớp 6A?  b) Tính tỉ số phần trăm của học sinh yếu so với học sinh khá?  Giải   1. Số học sinh giỏi là:  (học sinh)   Số học sinh khá là:  (học sinh)  Số học sinh trung bình là:  (học sinh)  Số học sinh yếu là:  (học sinh)  b) Tỉ số phần trăm của học sinh yếu so với học sinh khá là: |
| **GV giao nhiệm vụ 4:**  GV yêu cầu học sinh hoạt động cá nhân, đọc đề bài bài 4  GV yêu cầu học sinh suy nghĩ làm bài  H1: Tính số học sinh ở dạng bài toán nào về phân số?  H2: Cuối năm cả giỏi và khá có bao nhiêu học sinh?  H3: Số học sinh giỏi cuối năm là bao nhiêu?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ 4:**  - Học sinh đọc bài, suy nghĩ trả lời câu hỏi  Đ1: Tìm một số khi biết giá trị phân số của nó?  Đ2: Số học sinh khá và giỏi cuối năm học là: (học sinh)  Đ3: Số học sinh giỏi cuối năm là:  (học sinh)  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  GV gọi 1 học sinh lên bảng làm bài  HS khác làm bài vào vở  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV gọi HS khác nhận xét kết quả bài làm của bạn | **Bài 4:** Sơ kết HKI lớp 6A có  học sinh đạt loại khá và giỏi chiếm  số học sinh cả lớp.  a) Tính số học sinh lớp 6A  b) Tổng kết cuối năm học số học sinh khá và số học sinh giỏi chiếm  số học sinh cả lớp. Biết số HS giỏi bằng  số học sinh khá. Tính số HS giỏi và HS khá cuối năm của lớp 6A?  **Giải**  a) Số học sinh lớp 6A là: (học sinh)  b) Số học sinh khá và giỏi cuối năm học là: (học sinh)  Số học sinh giỏi cuối năm là:  (học sinh)  Số học sinh khá cuối năm học là:  (học sinh) |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ 5**  Yêu cầu HS hoạt động nhóm, 2 bàn làm 1 nhóm làm bài tập 5  H1: Tính chiều rộng của mảnh vườn thuộc dạng toán cơ bản nào của phân số  H2: Diện tích đất trồng cây ăn quả thuộc dạng toán cơ bản nào?  H3: Diện tích trồng hoa đã biết chưa? Để tính diện tích trồng hoa làm thế nào?  H4: Nhắc lại công thức tính diện tích hình chữ nhật?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ 5**  Học sinh đọc kĩ đề bài, trả lời các câu hỏi của giáo viên  **Đ1**: Tìm phân số của một số cho trước  **Đ2**: Tìm một số biết giá trị phân số của nó  **Đ3**: Chưa. Lấy diện tích mảnh vườn trừ diện tích đất trồng cây ăn quả  **Đ4:** Diện tích hình chữ nhật là:  Dài nhân rộng  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - Mỗi nhóm cử đại diện 1 HS lên bảng trình bày.  - HS còn lại chú ý theo dõi, quan sát nhận xét bài làm của các nhóm.  - HS sửa bài vào vở.  HS khác làm bài vào vở  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  - Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhóm HS.  - GV chốt lại kiến thức. | **Bài 5**: Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài , chiều rộng bằng  chiều dài   1. Tính chiều rộng mảnh vườn 2. Người ta lấy một phần mảnh vườn để trồng cây ăn quả. Biết  diện tích đất trồng cây ăn quả là . Tính diện tích đất trồng cây ăn quả. 3. Phần diện tích đất còn lại người ta để trồng hoa. Hỏi diện tích đất trồng cây ăn quả bằng bao nhiêu phần trăm diện tích đất trồng hoa?   Giải   1. Chiều rộng mảnh vườn là:     b) Diện tích đất trồng cây ăn quả là:  c) Diện tích mảnh vườn là:    Diện tích đất trồng hoa là:    Tỉ số phần trăm của diện tích đất trồng cây ăn quả so với diện tích đất trồng hoa là: |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về phân số để giải các bài tập vận dụng

b) Nội dung: Bài tập vận dụng

c) Sản phẩm: Lời giả bài tập vận dụng

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ 1:**  Yêu cầu học sinh hoạt động cá nhân  GV yêu cầu học sinh suy nghĩ trả lời các câu hỏi giáo viên đưa ra và làm bài  - Các câu hỏi gợi mở để dẫn dắt bài toán  H1: Muốn tính số cây cần trồng làm thế nào?  H2: Nhắc lại công thức tính chu vi hình chữ nhật?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ 1:**  HS thực hiện nhóm đôi nghiên cứu trả lời câu hỏi và làm bài  Dự kiến câu trả lời:  Đ1: Lấy chu vi của hình chữ nhật chia cho 5  Đ2: Chu vi hình chữ nhật bằng:  (dài + rộng) x  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - Đại diện 2 nhóm đôi lên bảng làm bài  - HS khác làm vào vở  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV gọi HS nhóm khác nhận xét kết quả bài làm của bạn | **Bài tập vận dụng:**  **Bài 1:**  Một miếng đất hình chữ nhật dài m, chiều rộng bằng  chiều dài. Người ta trồng cây xung quanh miếng đất, biết rằng cây nọ cách cây kia m và  góc có  cây. Hỏi cần tất cả bao nhiêu cây?  **Giải**  Chiều rộng hình chữ nhật:  (m)  Chu vi hình chữ nhật:  (m)  Số cây cần thiết là:  770: 5 = 154 (cây) |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ 2:**  Yêu cầu học sinh hoạt động cá nhân  GV yêu cầu học sinh suy nghĩ trả lời các câu hỏi giáo viên đưa ra và làm bài  - Các câu hỏi gợi mở để dẫn dắt bài toán  H: Muốn tính số cây cần trồng của cả ba tổ làm thế nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ 2:**  HS thực hiện nhóm đôi nghiên cứu trả lời câu hỏi và làm bài  Dự kiến câu trả lời:  Đ: Tính phân số chỉ số cây trồng được của tổ thứ 3.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - Đại diện 2 nhóm đôi lên bảng làm bài  - HS khác làm vào vở  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV gọi HS nhóm khác nhận xét kết quả bài làm của bạn | **Bài 2:** Ba tổ học sinh phải trồng một số cây xung quanh vườn. Tổ thứ nhất trồng 25% số cây, tổ thứ hai trồng  số cây, tổ thứ ba trồng 135 cây. Hỏi cả ba tổ đã trồng được bao nhiêu cây?  **Giải**  Phân số chỉ số cây trồng được của tổ thứ 3 là: (tổng số cây)  Số cây cả 3 tổ trồng được là:  (cây) |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ 3:**  Yêu cầu học sinh hoạt động cá nhân  GV yêu cầu học sinh suy nghĩ trả lời các câu hỏi giáo viên đưa ra và làm bài  - Các câu hỏi gợi mở để dẫn dắt bài toán  H1: Muốn tính số công nhân của phân xưởng cần tính gì trước?  H2: Tính số công nhân phân xưởng làm thế nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ 3:**  HS thực hiện nghiên cứu trả lời câu hỏi và làm bài  Dự kiến câu trả lời:  Đ1: Tính phân số chỉ số công nhân của phân xưởng 3.  Đ2: 38 chia cho số phần phân số công nhân của phân xưởng 3  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - Đại diện 1 học sinh lên bảng làm bài  - HS khác làm vào vở  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV gọi HS nhóm khác nhận xét kết quả bài làm của bạn | **Bài 3:** Xí nghiệp có 3 phân xưởng. Số công nhân phân xưởng 1 bằng  tổng số công nhân, số công nhân phân xưởng 2 bằng  tổng số công nhân, phân xưởng 3 có 38 công nhân.  a) Hỏi xí nghiệp có bao nhiêu công nhân? b) Mỗi phân xưởng có bao nhiêu công nhân?  **Giải**  a) Phân số chỉ số phần số công nhân của phân xưởng 3 là:  (tổng số công nhân)  Tổng số công nhân của xí nghiệp là:  (công nhân)  b) Số công nhân của phân xưởng 1 là:  (công nhân)  Số công nhân của phân xưởng 2 là:  (công nhân) |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ 4:**  Yêu cầu học sinh hoạt động nhóm  GV yêu cầu học sinh suy nghĩ trả lời các câu hỏi giáo viên đưa ra và làm bài  - Các câu hỏi gợi mở để dẫn dắt bài toán  H: Nhắc lại công thức tính tỉ số phần trăm của a so với b?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ 4:**  HS thực hiện nhóm nghiên cứu trả lời câu hỏi và làm bài  Dự kiến câu trả lời:  Đ:  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - Đại diện 2 nhóm lên bảng làm bài  - HS khác làm vào vở  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV gọi HS nhóm khác nhận xét kết quả bài làm của bạn  - GV chốt lại kiến thức | **Bài 4:** Bài kiểm tra toán của lớp 6A sau khi chấm xong được xếp thành 3 loại. Số bài loại giỏi bằng  tổng số bài, số bài loại khá bằng  tổng số bài. Số bài loại trung bình là 9 bài. Hỏi  a. Lớp 6A có bao nhiêu học sinh  b. Tỉ số phần trăm học sinh giỏi so với học sinh cả lớp?  **Giải**  a) Phân số chỉ số bài trung bình là:  (tổng số học sinh)  Lớp 6A có số học sinh là:  (học sinh)  b) Số học sinh giỏi của lớp 6A là:  học sinh  Tỉ số phần trăm của học sinh giỏi so với học sinh là lớp là: |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ 5:**  Yêu cầu học sinh hoạt động nhóm  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ 5:**  HS thực hiện nhóm nghiên cứu trả lời câu hỏi và làm bài  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - Đại diện 2 nhóm đôi lên bảng làm bài  - HS khác làm vào vở  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV gọi HS nhóm khác nhận xét kết quả bài làm của bạn  - GV chốt lại kiến thức | **Bài 5:** Một mảnh vườn được chia thành 3 phần. Phần để trồng cây ăn quả có diện tích chiếm  diện tích mảnh vườn. Phần để trồng hoa có diện tích bằng 20% diện tích cả mảnh vườn. Phần còn lại  để đào ao thả cá   1. Tính diện tích cả mảnh vườn 2. Tính diện tích để trồng cây ăn quả   **Giải**  a) Phân số chỉ số phần diện tích để đào ao thả cá là: (tổng số diện tích)  Diện tích cả mảnh vườn là:    b) Diện tích để trồng cây ăn quả là: |

**5. Hoạt động 5: Hướng dẫn về nhà**

**-** Học lại lý thuyết, xem lại các dạng toán đã chữa và luyện thêm các bài sau:

**Bài 1.** Tìm một số, biết:

a)  của nó bằng . b)  của nó bằng .

***Hướng dẫn***

a)  b) 

**Bài 2.** Tìm một số, biết rằng  của số đó bằng  của .

***Hướng dẫn***

 của  bằng: .

Số đó bằng: .

**Bài 3.** Một tấm vải bớt đi  thì còn lại  tấm vải. Hỏi tấm vải dài bao nhiêu mét?

***Hướng dẫn***

Phân số chỉ  mét vải bằng:  (chiều dài tấm vải)

Chiều dài tấm vải đó là:  (m)

**Bài 4.** Một đội văn nghệ có  người, trong đó  là số người nữ. Tính số người nam trong đội văn nghệ đó.

***Hướng dẫn***

Số nữ trong đội văn nghệ là:  (người).

Số nam trong đội văn nghệ là:  (người).

**Bài 5:** Ba tổ công nhân trồng được tất cả 286 cây ở công viên. Số cây tổ 1 trồng được bằng  số cây tổ 2 và số cây tổ 3 trồng được bằng số cây tổ 2. Hỏi mỗi tổ trồng được bao nhiêu cây?

***Hướng dẫn***

 cây;  cây;  cây.

**Bài 6:** Trong một trường học số học sinh nữ bằng  số học sinh nam.

a/ Tính xem số học sinh nữ, nam bằng mấy phần số học sinh toàn trường.

b/ Nếu số học sinh toàn trường là  em thì trường đó có bao nhiêu học sinh nam, học sinh nữ?

***Hướng dẫn***

a/ Theo đề bài, trong trường đó cứ  phần học sinh nam thì có  phần học sinh nữ. Như vậy, nếu học sinh trong toàn trường là  phần thì số học sinh nữ chiếm  phần, nên số học sinh nữ bằng  số học sinh toàn trường.

Số học sinh nam bằng  số học sinh toàn trường.

b/ Nếu toàn tường có  học sinh thì:

Số học sinh nữ là:  (học sinh)

Số học sinh nam là:  (học sinh)

**Bài 7:** Ba lớp có  học sinh. Số học sinh lớp A bằng  số học sinh lớp B. Số học sinh lớp C bằng số học sinh lớp A. Hỏi mỗi lớp có bao nhiêu học sinh?

***Hướng dẫn***

Số học sinh lớp 6B bằng  học sinh lớp 6A (hay bằng )

Số học sinh lớp 6C bằng  học sinh lớp 6A

Tổng số phần của 3 lớp:  (phần)

Số học sinh lớp 6A là:  (học sinh)

Số học sinh lớp 6B là:  (học sinh)

Số học sinh lớp 6C là:  (học sinh)

**PHIẾU BÀI TẬP 1 (TRÊN LỚP)**

**Dạng 1: Tìm giá trị phân số của một số cho trước**

**Bài 1**. Tính:

a)của 8; b) của -15;

c) của ; d)  của .

**Bài 2**. Khối 6 của một trường có 300 học sinh trong đó có 40% là học sinh giỏi. Trong số học sinh giỏi đó, số nữ sinh chiếm . Tính số học sinh nữ của khối 6 đạt loại giỏi.

**Bài 3**. Anh Cường đi xe đạp trên quãng đường dài 90km. Mỗi giờ anh đi được  quãng đường. Hỏi sau 3 giờ anh đi được bao nhiêu ki-lô-mét?

**Bài 4**. Lớp 6A có học sinh. Cuối năm học số học sinh giỏi chiếm, số học sinh kém chiếm . Hỏi trong lớp có bao nhiêu học sinh giỏi và bao nhiêu học sinh kém?

**Bài 5**. Bác Xuân gửi tiết kiệm 36 triệu đồng. Năm ngoái lãi suất là. Hết năm bác không rút lãi và năm nay bác gửi tiếp với lãi suất là . Hỏi hết năm nay số tiền của bác Xuân kể cả gốc lẫn lãi sẽ là bao nhiêu?

**Dạng 2 Tìm một số biết giá trị phân số của nó**

**Bài 1**. Tìm một số thoả mãn một trong các điều kiện sau:

a)  của nó bằng 51;

b)  của nó bằng -33;

c) của nó bằng 7,2.

d)  của nó bằng 36

**Bài 2**. Trong một thanh hợp kim, đồng chiếm  khối lượng của nó. Hỏi khối lượng của thanh hợp kim đó là bao nhiêu nếu khối lượng đồng trong đó là kg?

**Bài 3**. Có một đôi vợ chồng trẻ, trong một tháng phải trả các khoản tiền thuê nhà, tiền điên, tiền nước, tiền gửi con vào nhà trẻ lần lượt hết  thu nhập hàng tháng. Cộng các khoản chi này hết tất cả đồng. Hỏi thu nhập hàng tháng của đôi vợ chồng này là bao nhiêu và số tiền còn lại dành cho ăn, mặc và các nhu cầu khác là bao nhiêu?

**Bài 4**. Biết rằng  số công nhân trong xưởng là nữ, còn lại là 30 công nhân nam. Tính số công nhân của phân xưởng đó.

**Bài 5:** Một của hàng bán gạo trong ba ngày. Ngày đầu bán được  số gạo. Ngày thứ hai bán được  số gạo còn lại. Ngày thứ ba bán nốt 20 tấn. Tính tổng số gạo mà cửa hàng đã bán.

**Dạng 3: Toán lời áp dụng cả tìm số phân số của một số cho trước, và tìm một số biết giá trị phân số của nó của nó**

**Bài 1**. Kết thúc học kì I, lớp 6A có 45 học sinh, trong đó số học sinh giỏi chiếm 20% tổng số học sinh của lớp, số học sinh khá bằng  số học sinh giỏi, số còn lại là học sinh trung bình.

a) Tính số học sinh giỏi, số học sinh khá.

b) Tính tỉ số phần trăm của học sinh trung bình so với học sinh khá.

**Bài 2:** Lớp 6A có 40 học sinh, chỉ có loại giỏi, khá, trung bình.

a) Số học sinh khá chiếm  số học sinh cả lớp. Tính số học sinh khá của lớp.

b) Biết số học sinh khá bằng  số học sinh giỏi. Tính số học sinh giỏi của lớp.

c) Tính tỉ số phần trăm học sinh trung bình so với học sinh cả lớp.

**Bài 3:** Lớp 6A có  học sinh. Tổng kết cuối năm, xếp loại học lực của lớp 6A gồm 4 loại: giỏi, khá, trung bình và yếu. Số học sinh giỏi bằng  số học sinh cả lớp. Số học sinh khá bằng  số học sinh còn lại. Số học sinh khá lại bằng  số học sinh trung bình.

a) Tính số học sinh giỏi, khá, trung bình và yếu của lớp 6A?

b) Tính tỉ số phần trăm học sinh yếu so với học sinh khá?

**Bài 4:** Sơ kết HKI lớp 6A có  học sinh đạt loại khá và giỏi chiếm  số học sinh cả lớp.

a) Tính số học sinh lớp 6A

b) Tổng kết cuối năm học số học sinh khá và số học sinh giỏi chiếm số học sinh cả lớp. Biết số học sinh giỏi bằng  số học sinh khá. Tính số học sinh giỏi và học sinh khá cuối năm của lớp 6A?

**Bài 5:** Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài , chiều rộng bằng chiều dài

a) Tính chiều rộng mảnh vườn

b) Người ta lấy một phần vườn để trồng cây ăn quả. Biết  diện tích đất trồng cây ăn quả là . Tính diện tích đất trồng cây ăn quả.

c) Phần diện tích đất còn lại người ta để trồng hoa. Hỏi diện tích đất trồng cây ăn quả bằng bao nhiêu phần trăm diện tích đất trồng hoa?

**Bài tập vận dụng**

**Bài 1:**  Một miếng đất hình chữ nhật dài m, chiều rộng bằng  chiều dài. Người ta trồng cây xung quanh miếng đất, biết rằng cây nọ cách cây kia m và  góc có  cây. Hỏi cần tất cả bao nhiêu cây?

**Bài 2:** Ba tổ học sinh phải trồng một số cây xung quanh vườn. Tổ thứ nhất trồng 25% số cây, tổ thứ hai trồng  số cây, tổ thứ ba trồng 135 cây. Hỏi cả ba tổ đã trồng được bao nhiêu cây?

**Bài 3:** Xí nghiệp có 3 phân xưởng. Số công nhân phân xưởng 1 bằng  tổng số công nhân, số công nhân phân xưởng 2 bằng  tổng số công nhân, phân xưởng 3 có 38 công nhân.

a) Hỏi xí nghiệp có bao nhiêu công nhân?

b) Mỗi phân xưởng có bao nhiêu công nhân?

**Bài 4:** Bài kiểm tra toán của lớp 6A sau khi chấm xong được xếp thành 3 loại. Số bài loại giỏi bằng  tổng số bài, số bài loại khá bằng  tổng số bài. Số bài loại trung bình là 9 bài. Hỏi

a. Lớp 6A có bao nhiêu học sinh

b. Tỉ số phần trăm học sinh giỏi so với học sinh cả lớp?

**Bài 5:** Một mảnh vườn được chia thành 3 phần. Phần để trồng cây ăn quả có diện tích chiếm  diện tích mảnh vườn. Phần để trồng hoa có diện tích bằng 20% diện tích cả mảnh vườn. Phần còn lại  để đào ao thả cá

a) Tính diện tích cả mảnh vườn

b) Tính diện tích để trồng cây ăn quả

**PHIẾU BÀI TẬP 2 (BTVN)**

**Bài 1.** Tìm một số, biết:

a)  của nó bằng .

b)  của nó bằng .

**Bài 2.** Tìm một số, biết rằng  của số đó bằng  của .

**Bài 3.** Một tấm vải bớt đi  thì còn lại  tấm vải. Hỏi tấm vải dài bao nhiêu mét?

**Bài 4.** Một đội văn nghệ có  người, trong đó  là số người nữ. Tính số người nam trong đội văn nghệ đó.

**Bài 5:** Ba tổ công nhân trồng được tất cả 286 cây ở công viên. Số cây tổ 1 trồng được bằng  số cây tổ 2 và số cây tổ 3 trồng được bằng số cây tổ 2. Hỏi mỗi tổ trồng được bao nhiêu cây?

**Bài 6:** Trong một trường học số học sinh nữ bằng  số học sinh nam.

a/ Tính xem số học sinh nữ, nam bằng mấy phần số học sinh toàn trường.

b/ Nếu số học sinh toàn trường là  em thì trường đó có bao nhiêu học sinh nam, học sinh nữ?

**Bài 7:** Ba lớp có  học sinh. Số học sinh lớp A bằng  số học sinh lớp B. Số học sinh lớp C bằng số học sinh lớp A. Hỏi mỗi lớp có bao nhiêu học sinh?